

Số: 262 /BC-UBND

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển đến ngày 15/12/2016

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn hướng dẫn của các Bộ ngành liên quan như: Công văn số 6851/BNN-TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn kê khai xác định thiệt hại do sự cố môi trường biển; Công văn số 7433/BNN-TCTS ngày 01/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn bổ sung kê khai xác định thiệt hại do sự cố môi trường biển; Quyết định 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng chính phủ về ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; Công văn số 1748/UBND-KTN ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc kê khai xác định thiệt hại do sự cố môi trường biển, UBND huyện Quảng Ninh báo cáo kết quả thực hiện đến ngày 15/12/2016 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo

Trên cơ sở các văn bản của cấp trên, UBND huyện đã ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng và tổ giúp việc Hội đồng đánh giá thiệt hại sự cố môi trường biển. Phân công trách nhiệm cho các thành viên gắn với việc phụ trách địa bàn để hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát việc triển khai theo đúng quy định các văn bản cấp trên, nhất là thực hiện kê khai đúng đối tượng và đúng các bước theo quy trình; tham gia các cuộc họp dân (khi cần thiết) để hỗ trợ cán bộ xã trong việc hướng dẫn kê khai. Đồng thời ban hành các văn bản đốc thúc các xã, thị trấn tiến hành triển khai, coi đây là nhiệm vụ cấp bách cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập Hội đồng và tổ giúp việc Hội đồng đánh giá thiệt hại sự cố môi trường biển của xã, thị trấn; đồng thời hướng dẫn các thôn/xóm thành lập Tổ công tác kê khai, lập danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quy định.

Thành viên Hội đồng bồi thường huyện và xã có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp và định hướng mức độ, phạm vi đối tượng. Người dân có tự kê khai và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai của mình; đồng thời cho ý kiến để xác định đối tượng và mức độ được hưởng chính sách hỗ trợ của các đối tượng khác trên địa bàn mình.

2. Những thuận lợi và khó khăn

* **Thuận lợi:** Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh, Huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm trưởng ban, thành lập tổ giám sát của Huyện ủy do đồng chí Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy làm tổ trưởng và đã lãnh đạo triển khai đồng bộ từ huyện đến cơ sở, người dân đã quan tâm thực hiện.

huyện bổ sung. Hội đồng đền bù cấp huyện đang gấp rút tham mưu UBND huyện ra quyết định.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện và xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm để tập trung chỉ đạo quyết liệt; trong đó căn cứ Công văn số 6851/BNN-TCTS và Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ để tiến hành kiểm tra, rà soát các đối tượng thuộc diện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển ở đơn vị mình. Phải thực hiện nghiêm túc các bước theo quy trình đã được hướng dẫn và lập danh sách gửi về Hội đồng đánh giá thiệt hại môi trường biển huyện thẩm định, áp giá để trình UBND huyện phê duyệt danh sách chi trả tiền cho các đối tượng.

Tăng cường phối hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giải thích cho người dân hiểu rõ về chính sách để hạn chế tình trạng lợi dụng chính sách và xảy ra khiếu kiện, khiếu nại.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Tỉnh, Trung ương có hướng dẫn cụ thể định mức diện tích nuôi trồng thủy sản (không nuôi và có nuôi bị chết dưới 70%)

2. Đề nghị Tỉnh có chủ trương chi trả cho xí nghiệp tàu thủy Quảng Bình đóng trên địa bàn theo Công văn 6851/BNN-TCTS.

3. Đề nghị Tỉnh xem xét hỗ trợ đền bù thiệt hại đối với diện tích các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng trong diện đền bù dự án FLC; bởi vì hiện nay tỉnh, huyện chưa có quyết định thu hồi đất đối với các hộ này.

4. Đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ các địa phương nguồn kinh phí phục vụ công tác kê khai, đền bù.

5. Đề nghị Ban chỉ đạo, Tổ giám sát huyện tiếp tục chỉ đạo cơ sở và cả hệ thống chính trị cùng tham gia để đảm bảo công tác đền bù đúng quy định, quy trình cũng như tiến độ chi trả theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

Trên đây là một số kết quả thực hiện bồi thường hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển, UBND huyện xin báo cáo trước đại biểu HĐND huyện.

Nơi nhận:

- Ban TVHU (b/c);
- Hội đồng nhân dân huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT. *lauk*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Thụ
Nguyễn Ngọc Thụ

PHỤ LỤC 1

(Báo cáo kết quả thực hiện công tác đền bù thương thiệt hại do sự cố môi trường biển)

TT	Đơn vị/loại tàu	Số tháng nằm bờ	Chữ tàu	Kinh phí đền bù thiệt hại của chủ tàu (Tr.đ)	Lao động	Kinh phí đền bù thiệt hại cho lao động (Tr.đ)	Tổng giá trị đền bù đợt 1 là (Tr.đ)	Kinh phí trả lần 1 là 50%
I	TT Quáo Hàu	4	77	3.034,68	66	1.483	4.517,320	2.258,660
1	Tàu không lắp máy	4	13	303,16	10	147,60	450,760	225,380
2	Tàu CS nhỏ hơn 20CV	4	64	2.731,52	56	1.335,04	4.066,560	2.033,280
II	Xã Vĩnh Ninh	4	45	1.455,96	44	840	2.296,080	1.148,040
1	Tàu/Thuyền không lắp máy	4	24	559,68	23	339,48	899,160	449,580
2	Tàu nhỏ hơn 20CV	4	21	896,28	21	500,64	1.396,920	698,460
III	Xã Lương Ninh	4	36	1.478,40	37	854,84	2.333,240	1.166,620
1	Tàu/Thuyền không lắp máy	4	3	69,96	3	44,28	114,240	57,120
2	Tàu nhỏ hơn 20CV	4	33	1.408,44	34	810,56	2.219,000	1.109,500
IV	Xã Hải Ninh	6	445	26.621,25	704	24.485,78	51.107,030	25.553,515
1	Tàu/Thuyền không lắp máy	6	54	1.888,92	11	243,54	2.132,460	1.066,230
2	Tàu nhỏ hơn 20CV	6	389	24.487,65	683	23.714,84	48.202,490	24.101,245
3	Tàu từ 50CV đến <90CV	6	2	244,68	10	527,40	772,080	386,040
CỘNG TOÀN HUYỆN								
1	Tàu/Thuyền không lắp máy		94	2.821,72	47	774,90	3.596,620	1.798,310
2	Tàu nhỏ hơn 20CV		507	29.523,89	794	26.361,08	55.884,970	27.942,485
4	Tàu từ 50CV đến <90CV		2	244,68	10	527,40	772,080	386,040
Tổng cộng			603	32.590,3	851	27.663,38	60.253,670	30.126,835

Handwritten signature

PHỤ LỤC II

(Báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi thường thiệt hại sự cố môi trường biển)

TT	Đơn vị/loại tàu	Số tháng nằm bờ	Chủ tàu	Kinh phí đền bù thiệt hại của chủ tàu (Tr.đ)	Lao động	Kinh phí đền bù thiệt hại cho lao động (Tr.đ)	Tổng giá trị đền bù đợt 1 là (Tr.đ)	Kinh phí trả lần 1 là 50%
I	Xã Duy Ninh		83	2.439,03	63	1.045	3.483,750	1.741,875
1	Tàu/thuyền không lắp máy	3	15	262,35	12	132,84	395,190	197,595
2	Tàu nhỏ hơn 20CV	3	68	2.176,68	51	911,88	3.088,560	1.544,280
II	Xã Võ Ninh		3	69,96			69,960	34,980
1	Tàu/thuyền không lắp máy	4	3	69,96			69,960	34,980
2	Tàu nhỏ hơn 20CV							
III	Xã Hàm Ninh		40	1.178,76	39	649,65	1.828,410	914,205
1	Tàu/thuyền không lắp máy	3	7	122,43	7	77,49	199,920	99,960
2	Tàu nhỏ hơn 20CV	3	33	1.056,33	32	572,16	1.628,490	814,245
IV	Xã Hải Ninh							
1	Tàu từ 20CV đến dưới 50CV	6	121	10.944,00	210	9.004,05	19.932,85	9.966,425
CỘNG TOÀN HUYỆN								
1	Tàu/thuyền không lắp máy		25	454,74	19	210,33	665,07	332,54
2	Tàu nhỏ hơn 20CV		101	3.233,01	83	1.484,04	4.717,05	2.358,53
3	Tàu từ 20CV đến dưới 50CV		121	10.944,00	210	9.004,05	19.932,85	9.966,425
Tổng cộng			247	14.601,98	512	10.698,42	25.314,97	12.657,50

Hand